

QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ CƠ ĐỐC GIÁO

và

VĂN HOÁ CẬN ĐẠI PHƯƠNG TÂY Ở TRUNG QUỐC

Cơ Đốc giáo ra đời vào khoảng giữa thế kỷ thứ nhất sau công nguyên, trong chế độ nô lệ La Mã. Tại đế quốc La Mã thời đó, áp bức giai cấp vô cùng nặng nề, chẳng những giai tầng nô lệ bị bức hại tàn khốc, ngay tầng lớp dân tự do cũng bị dồn đến bước đường cùng. Để phản kháng, họ đã tiến hành nhiều cuộc khởi nghĩa nô lệ, trong đó, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Spartacus⁽¹⁾ và cuộc “Chiến tranh Do Thái”. Song, vì chính quyền nhà nước chủ nước chủ nô khi đó còn quá mạnh, tất cả những cuộc khởi nghĩa trên trước sau đều bị đàn áp. Đông đảo dân chúng thuộc mọi giai tầng, với tâm trạng uất ức, mệt mỏi và tuyệt vọng đành chỉ còn biết bám víu vào ảo tưởng sẽ có một con đường màu nhiệm thoát khỏi mọi nỗi khổ đau. Đương thời, ở Palestine và Ysràel đang thịnh hành Do Thái giáo, tôn sùng và tin tưởng Yahweh là “vị thần chân chính, duy nhất” (độc nhất chân thân) sắp giáng trần, cứu vớt muôn dân. Trên cơ sở của niềm tin này, lại hấp thụ những quan niệm mê tín về thiên đường, địa ngục và linh hồn bất tử lưu hành lúc đó, cùng những thuyết giáo của các nhà triết học cổ Hy – La về sự nhẫn nại, cấm dục... mà Cơ Đốc giáo nguyên

thủy dần dần hình thành. Có thể khẳng định, Cơ Đốc giáo là sản phẩm của ách áp bức giai cấp trong chế độ nô lệ thời đại đế quốc La Mã.

Sở dĩ gọi là Cơ Đốc giáo vì tôn giáo này tín ngưỡng ‘IESOUS CHRISTOS (Gia Tô Cơ Đốc). Giáo nghĩa Cơ Đốc giáo cho rằng, tôn giáo này do ‘IESOUS CHRISTOS và các môn đồ của ông ta sáng lập ở Palestine và Ysràel; rằng Đức bà Maria, do được đấng thần linh đầu thai (nhân thánh linh giáng dựng) mà sinh ra ông ta trong một gia đình thợ mộc tại Bôthelhem – Do Thái, vào thời đại Augustus (năm 27 Tr CN – năm 14 sau CN) ở La Mã; Năm 13 tuổi, ‘IESOUS bắt đầu tuyên truyền “Phúc âm” của thượng đế, đồng thời tuyển mộ được 12 môn đồ thuộc các giai tầng khác nhau, như nông dân, ngư phủ, người nghèo, quan lại...; Thuyết giáo của ‘IESOUS được nhiều người tin tưởng, nhưng bị Do Thái giáo và tầng lớp thống trị La Mã phản đối quyết liệt. Cuối cùng, ‘IESOUS bị Tổng đốc La Mã trú tại Do Thái phán xử tử hình, đóng đinh trên giá thập tự. Song chẳng bao lâu, ông ta sống lại rồi bay lên trời, sau đó lại giáng trần hành đạo. Tư tưởng cứu khổ cứu nạn cho con người của chúa Cứu thế mà

Cơ Đốc giáo tuyên truyền, ở mức độ nhất định, đã phản ánh nguyện vọng của giai tầng bị trị, nên có thể nói, Cơ Đốc giáo sơ kỳ là tôn giáo của những người bị áp bức. Song, cùng với việc truyền bá rộng rãi tôn giáo này, nhiều người thuộc tầng lớp giàu có cũng chủ động trở thành giáo đồ của nó. Họ cố vũ cho sự nhẫn nại, phục tùng và những hành động cầu xin được thượng đế đền đáp sau khi chết, với mục đích khiến Cơ Đốc giáo từng bước thích ứng với nhu cầu của tầng lớp thống trị. Năm 313, vua Flavius Valerius Constantinus (= 280 – 337) – nhà độc tài quân sự của đế quốc La Mã đã ban bố pháp lệnh thừa nhận địa vị hợp pháp của Cơ Đốc giáo, khẳng định sự tín ngưỡng IESOUS cũng như chúa trời và tăng cường quyền lực của Giáo hội, Giáo mục. Đến năm 380, hoàng đế La Mã là Theodosius I đã dứt khoát tuyên bố Cơ Đốc giáo là Quốc giáo.

Kể từ đó, quyền lực chính trị và thực lực kinh tế của Cơ Đốc giáo không ngừng được củng cố và phát triển. Giáo hội La Mã trở thành chúa phong kiến lớn nhất, giàu có nhất ở Tây Âu, và đến năm 756 đã có lãnh thổ riêng, lập nên một nước Giáo hoàng độc lập. Kinh điển của Cơ Đốc giáo là *Cựu ước toàn thư* và *Tân ước toàn thư*. *Cựu ước* kế thừa từ kinh điển Do Thái giáo, được viết bằng chữ Do Thái (Hebreux) cổ (hoàn thành khoảng từ thế kỷ III Tr.CN đến thế kỷ I sau CN), có nội dung chủ yếu là những câu chuyện thần thoại của người Do Thái nói về nguồn gốc của thế giới, của loài người và giáo nghĩa Do Thái giáo; *Tân ước* là kinh điển của chính Cơ Đốc giáo, được viết bằng chữ Hy Lạp (hoàn thành khoảng từ thế kỷ I đến thế kỷ II), nội

dung viết về những hoạt động và giáo nghĩa của Cơ Đốc giáo thời kỳ đầu. Bộ *Tân – Cựu ước* thánh kinh lưu hành hiện nay là định bản của thế kỷ thứ IV, và chính là kết quả dung hợp giữa kinh điển Do Thái giáo với chủ trương của các phái Cơ Đốc giáo sơ kỳ Giáo nghĩa Cơ Đốc giáo tuyên bố Thượng đế (Chúa trời) sáng tạo thế giới, là đấng toàn thiện – toàn năng – toàn trí, giáo đồ tất phải tôn kính, phục tùng, chấp nhận sự an bài của Thượng đế. Theo Cơ Đốc giáo, thủy tổ loài người là Áđhàm và Hawwàh đã vi phạm cấm lệnh của Thượng đế, trộm ăn trái cấm nên mắc “tội tổ tông”, vì thế con người tất phải nhẫn chịu khổ nạn, tất phải dựa vào chúa cứu thế IESOUS. Nếu phục tùng ý chí Chúa trời, người ta sau khi chết sẽ được lên thiên đường, giáo nghĩa Cơ Đốc giáo yêu cầu giáo đồ phải tuân thủ “Mười điều răn” (Thập giới) là: 1. Ngoài Thượng đế ra, không tin tưởng vị thần nào khác; 2. Không tạo tác, cúng bái ngẫu tượng; 3. Không tùy tiện nhắc tới danh xưng Thượng đế; 4. Chủ nhật là ngày của Thần thánh; 5. Hiếu kính đối với cha mẹ; 6. Không giết người; 7. Không gian dâm; 8. Không trộm cắp; 9. Không giả mạo chứng cứ; 10. Không ham muốn tài sản của người khác.

Trong các tông phái thuộc Cơ Đốc giáo, tổ chức Thiên chúa giáo là chặt chẽ, nghiêm mật nhất. Giáo hoàng La Mã là thủ lĩnh tối cao, là “Đại diện của chúa IESOUS ở thế gian”. Giáo đình Thiên chúa giáo xây dựng ở Stato della Città del Vaticanno, được tổ chức theo hình thức tập quyền phong kiến, thống trị Thiên chúa giáo và giáo đồ toàn thế giới. Ở những quốc gia có Thiên chúa giáo, thường là Hồng y giáo chủ đứng đầu

Giáo hội Thiên chúa ở nước đó; dưới là Tổng Giám mục và Giám mục, phụ trách và quản lý giáo hội cấp tỉnh và khu.

Đối với Trung Quốc, Cơ Đốc giáo truyền nhập từ rất sớm. Căn cứ vào tấm “Bia ca tụng Cảnh giáo La Mã lưu hành ở Trung Quốc” (Đại Tân cảnh giáo lưu hành Trung Quốc bia tụng)⁽²⁾ tại Tây An, thì Cảnh giáo – một tông phái thuộc Cơ Đốc giáo - đã truyền vào Trung Quốc từ Ba Tư qua đường bộ ngay từ thời Đường Trinh Quán năm thứ 9 (năm 635). Sau đó, được triều Đường cho phép, giáo phái này bắt đầu phát triển và cực thịnh trong một thời gian dài qua các đời vua Đường (Thái Tông – Cao Tông – Huyền Tông – Túc Tông - Đức Tông – Thuận Tông – Hiếu Tông – Mục Tông – Văn Tông). Thời Cao Tông Ly Trị, đối với Cảnh giáo, từng xuất hiện cảnh tượng “Giáo nghĩa lưu hành mọi nơi, nhà thờ có ở khắp chốn” (Pháp truyền thập đạo, tự mãn bách thành). Song, đến năm Hội xương thứ 5 (năm 845), khi Đường Vũ Tông trấn áp Phật giáo thì mọi tôn giáo đều bị nghiêm cấm. Sau đó, mãi đến thế kỷ thứ XIII, khi Thành Cát Tư Hãn và những người kế tục ông ta liên tục Tây chinh, mở ra con đường giao thông Đông-Tây thì Cảnh giáo mới phục hồi ở Trung Quốc, đồng thời với việc nước này bắt đầu tiếp nhận Thiên Chúa giáo La Mã. Bấy giờ, triều Nguyên (1279 – 1368) đã thành lập “Ty Sùng Phúc”, chuyên quản lý giáo phái này. Giáo đồ của nó chủ yếu là người Mông Cổ và người Sắc Mục. Sau khi triều Nguyên diệt vong, Cảnh giáo cũng theo đó bị vùi dập. Đến giữa triều Minh (cuối thế kỷ XVI), Cơ Đốc giáo lại truyền nhập Trung Quốc.

Người có công lao to lớn trong việc này là giáo sỹ Matteo Ricci người Italia, thuộc Hội Gia Tô (Societas Jesu). Dưới ảnh hưởng của phương thức truyền giáo thông qua biện pháp “Tập Nho quy Hán” của Matteo Ricci, Thiên chúa giáo đã phát triển nhanh chóng ở Trung Quốc. Ví như, khi vừa đến Trung Quốc, ông ta đã tuyên bố với giai tầng thống trị triều Minh, đại ý rằng: Thượng đế chính là Trời mà các ngài quan niệm. Trời từng khải thị cho Khổng Tử, Mạnh Tử và nhiều đấng quân vương của các ngài. Chúng tôi đến đây không phải để phủ định thánh kinh hiền truyện của các ngài, mà mục đích chỉ là đề xuất bổ sung một số điều mà thôi. Ngoài ra, Matteo Ricci còn công khai cho phép các giáo đồ tế Khổng Tử và cúng bái tổ tiên, khiến Thiên chúa giáo – trên vấn đề nghi lễ – không phát sinh xung đột với giáo nghĩa Nho gia. Đến đầu thời Thanh, triều đình trọng dụng giáo sỹ cũng góp phần thúc đẩy việc truyền bá Thiên chúa giáo. Sau đó, từ cuộc tranh luận kịch liệt trên vấn đề “Lễ nghi Trung Quốc”, Giáo đình La Mã đã ban bố cái gọi là “Cấm ước” gồm 7 điều, trong đó có điều khoản cấm giáo đồ Thiên chúa người Trung Quốc cúng bái, tế lễ tổ tiên hoặc có những hành động phụ họa giáo nghĩa Nho gia. Giáo lệnh này khiến hoàng đế Khang Hy nổi giận, bèn ban dụ lệnh cấm giáo sỹ phương Tây tiếp tục truyền giáo ở Trung Quốc. Tuy nhiên, những hoạt động tín ngưỡng trong dân gian vẫn tiếp tục được duy trì một cách hạn chế.

Theo bước chân các nhà truyền giáo, văn hoá cận đại phương Tây cũng truyền vào Trung Quốc từ cuối triều Minh,

thông qua các nhà truyền giáo thuộc Hội Gia Tô - Thiên chúa giáo. Để gây cảm tình và được dân bản xứ tôn trọng, tạo điều kiện có lợi cho sự nghiệp truyền giáo, ngay khi mới đến Quảng Đông, Matteo Ricci đã cho trưng bày một số sản phẩm của nền văn minh phương Tây thời đó, như chẳng hạn: Đồng hồ báo thức, bản đồ, máy móc khí tượng, lăng kính..., cùng một số sách viết về thiên văn, toán học, vật lý và hoá học. Sau đó, khi được hoàng đế Vạn lịch triệu kiến, Matteo Ricci đã dâng lên vua Vạn lịch 3 bức tranh sơn dầu, 1 bộ Kinh Thiên chúa, 1 giá thập tự khảm ngọc trai, 2 đồng hồ báo thức, 2 lăng kính thuỷ tinh hình trụ, và đặc biệt có giá trị là bức “Bản đồ các nước trên thế giới” (Khôn dư vạn quốc toàn đồ). Để chiêu theo tâm lý tự đại của vị hoàng đế Trung Quốc, ở giữa tấm bản đồ thế giới được người Trung Quốc biết đến sớm nhất. Bằng hành động trên, Matteo Ricci đã được hoàng đế Vạn Lịch tin cậy và trọng thị, cho phép truyền giáo ở Bắc Kinh. Tiếp đó, một giáo sĩ Gia Tô khác là Johann Adam Schall von Bell (1591 – 1666 đã chủ trì một nhóm viết cuốn *Sùng trình lịch thư*. Do nắm vững tri thức tiên tiến về lịch pháp và thiên văn của thế giới đương thời, cuốn lịch này chuẩn xác hơn so với loại lịch cùng thời của Trung Quốc. Vì việc này, Johann Adam và Ferdinand Verbiest (1623 – 16880 đều trước sau được triều Minh phong cho chức Khâm thiên giám. Về toán học, Matteo Ricci đã hợp tác cùng học giả Từ Quang Khải người Trung Quốc, viết cuốn *Kỷ hà nguyên bản*, Giới thiệu một cách hệ thống bộ môn hình học phẳng Euclide. Emmanuel Diaz – giáo sĩ Bồ Đào Nha – thì viết

Thiên vấn lược, lần đầu tiên giới thiệu kính viễn vọng ở Trung Quốc, và sau đó, Johann Adam Schall von Bell lại viết cuốn *Viễn kính thuyết*, mở đầu cho việc truyền bá ở Trung Quốc nguyên lý quang học của bộ môn vật lý. Về khoa học thực dụng, giáo sĩ Jean Terrenz (1576 – 1630) người Thụy Sĩ cùng hợp tác với học giả Vương Chính người Trung Quốc viết cuốn *Viễn Tây kỳ khí đồ thuyết*, trình bày rõ những nguyên lý của môn lực học, như: Trọng tâm – Ty trọng - Đòn bẩy – Ròng rọc – Mặt phẳng nghiêng..., đồng thời giới thiệu cách chế tạo một số loại máy đơn giản. Jean Terrenz còn viết cuốn *Nhân thể thuyết khái*, trình bày tri thức sinh lý học qua bộ môn giải phẫu cơ thể người. Giáo sĩ Sabbathino de Ursis (1575 – 1620) thì viết *Thái Tây thủy pháp*, giới thiệu kỹ thuật tưới – tiêu bằng máy của Tây Âu. Thậm chí, Johann Adam Schall von Bell và Ferdinand Verbiest còn truyền nhập Trung Quốc kỹ thuật chế tạo đại pháo của phương Tây.

Sang đầu triều Thanh, nhất là dưới triều Khang Hy và Ung Chính, việc truyền bá văn hoá phương Tây của các giáo sĩ nước ngoài bị gián đoạn trong thời gian khá dài, do lệnh cấm truyền giáo của Hoàng đế Khang Hy. Mãi đến đầu thế kỷ XIX, văn hoá phương Tây mới tiếp tục được giới thiệu ở Trung Quốc, với những nội dung phong phú hơn trước. Năm 1832, tại Quảng Châu, vị giáo sĩ người Mỹ là Elijah Coleman Bridgman (1801 – 1861) đã sáng lập tờ “Trung Quốc tùng báo” (còn gọi là “Trung Quốc văn khố”). Đây chính là tờ báo viết bằng tiếng Anh, ra đời sớm nhất ở Trung Quốc. Năm 1835, cũng tại

Quảng Châu, một giáo sĩ người Mỹ khác đã cho xây dựng “Bệnh viện nhãn khoa Bác Tế” (Bác tế nhãn khoa y viện), chữa bệnh miễn phí cho mọi người. Đó là bệnh viện Tây y đầu tiên ở Trung Quốc. Ngoài ra, để tưởng niệm viên thư ký Công ty Đông Ấn Độ, các nhà truyền giáo Anh đã thành lập trường Tây học đầu tiên tại Ma Cao, lấy tên là “Trường Eobert Morrison”.

Tóm lại, từ cuối thế kỷ XVI, khi các giáo sĩ được giáo hội La Mã phái đến Trung Quốc truyền giáo thì văn hoá cận đại phương Tây cũng bắt đầu được du nhập vào Trung Quốc. Mở đầu cho giai đoạn này chính là sự kiện giáo sĩ Matteo Ricci đến Trung Quốc vào năm 1581. Sau khi vào Trung Quốc, các giáo sĩ đã dùng những tri thức Tây học mới mẻ để thu hút, cảm hoá tầng lớp sĩ đại phu – tầng lớp có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội, nhờ đó, họ có thể tiến sâu vào nội địa Trung Quốc, tạo ra điều kiện thuận lợi trong việc truyền giáo và xây dựng nhà thờ tại nhiều địa phương trên đất nước này. Trong gần hai thế kỷ truyền giáo thời kỳ cuối Minh đầu Thanh (1581 – 1757), về cơ bản, các giáo sĩ đều hoạt động theo phương thức do Matteo Ricci đề xướng. Đương nhiên, với tư cách là những nhà truyền giáo, thế giới quan tôn giáo của các giáo sĩ đã hạn chế họ rất nhiều trong việc tiếp nhận và truyền bá những học thuyết khoa học tiên tiến nhất của phương Tây đương thời. Một ví dụ: Trong gần hai thế kỷ truyền giáo ở Trung Quốc, không có nhà truyền giáo nào dám đi ngược lại niềm tin tôn giáo của mình để giới thiệu học thuyết Copernic cho người Trung Quốc! Đây có lẽ là nguyên nhân chủ yếu, khiến tri

thức văn hoá cận đại phương Tây hiện diện ở Trung Quốc khi đó vẫn hết sức nghèo nàn, phên diện – dù đã có quá trình truyền bá mấy trăm năm. Tuy vậy, một điều không phủ nhận được là: Về khách quan, chính các nhà truyền giáo đã đóng vai trò là cầu nối chủ yếu và tri thức cho quá trình tiếp thụ khoa học kỹ thuật phương Tây khi bước vào thời kỳ cận đại hoá, hội nhập thế giới.

HƯƠNG THẢO (biên dịch)

CHÚ THÍCH:

- (1) Tất cả Nhân danh và Địa danh được phiên âm trong bài, chúng tôi đều căn cứ theo sách Từ Hải, Đài Loan Đông Hoa thư cục cổ phần hữu hạn công ty, 1992.
- (2) Đại Tồn: Sử sách Trung Quốc cổ đại gọi đế quốc La Mã. Sau khi đế quốc La Mã phân liệt năm 395, “Đại Tồn” thường dùng để chỉ Đông La Mã.

SÁCH THAM KHẢO

1. *Lịch sử văn hoá Trung Quốc*, Nxb Văn hoá thông tin, H.1999
2. *Trung Quốc văn hoá yếu lược*, Bắc kinh, Nhân dân xuất bản xã, 1994
3. *Trung Quốc triết học tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1988